

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 25 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ THỊ THUỶ** Ngày tháng năm sinh: **28/10/1981**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường THCS Tô Hiệu**
- Hộ khẩu thường trú: **Số 1/142 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng**
- Chỗ ở hiện tại: **Số 345 Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**
- Số căn cước công dân: **031181004100**, ngày cấp: **25/4/2021**, nơi cấp: **Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LÊ ĐĂNG NGUYỄN** Năm sinh: **1976**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Giảng viên**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường Đại học Hải Phòng**
- Hộ khẩu thường trú: **Số 1/142 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng**
- Chỗ ở hiện tại: **Số 345 Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**
- Số căn cước công dân: **031076003606**, ngày cấp: **25/4/2021**, nơi cấp: **Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: Đã thành niên

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
- Số căn cước công dân:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai như con thứ nhất.

- Họ và tên: **Lê Vũ Hiền Giang**
- Ngày, tháng, năm sinh: **16/10/2010**
- Hộ khẩu thường trú: **Số 1/142 Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.**



Thủy

- Chỗ ở hiện tại: Số 345 Miếu Hai Xã, phường Dur Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1 Đất ở:

1.1.1 Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 345 Miếu Hai Xã, phường Dur Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Diện tích: 120m²

- Giá trị: không xác định được giá trị do đã ở lâu và không giao dịch.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số CH0000024 - Chủ sở hữu là Lê Đăng Nguyên và Vũ Thị Thuý

- Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thừa thứ hai (trở lên):

- Địa chỉ: Tổ dân phố số 01 phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- Diện tích: 98,3m²

- Giá trị: không xác định được giá trị do đã ở lâu và không giao dịch.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số CH10828 - Chủ sở hữu là Lê Đăng Nguyên và Vũ Thị Thuý

- Thông tin khác (nếu có):

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1: Thừa thứ nhất:

- Loại đất:.....Địa chỉ:.....

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2: Thừa thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1 Nhà ở:

2.1.1 Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 345 Miếu Hai Xã, phường Dur Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Loại nhà: nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng: 375m² (diện tích xây dựng)

- Giá trị: không xác định được giá trị do đã ở lâu và không giao dịch.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số CH0000024 - Chủ sở hữu là Lê Đăng Nguyên và Vũ Thị Thuý

TRU
NGH
Ô

Thuy

- Thông tin khác (nếu có):
- 2.1.2. Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:
 - 2.2.1. Công trình thứ nhất:
 - Tên công trình:..... Địa chỉ:
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:
 - 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. **3 570 000 000 (3 tỷ 5 trăm bảy mươi triệu đồng)**
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):
 - 6.1. Cổ phiếu:
 - Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - 6.2. Trái phiếu:
 - Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
 - 6.3. Vốn góp⁽²²⁾:
 - Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
 - 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:
 - Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

E C
 ONC
 OC C
 HIE
 *

Thuy

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe ô tô Số đăng ký: 15K 11766 Giá trị: 1.200.000.000đ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 555.800.000

- Tổng thu nhập của người kê khai: 295.800.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 260.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: chưa có

- Tổng các khoản thu nhập chung: không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
		+555.800.000 đồng	Tiền lương và thu nhập tăng thêm

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Thuý

Vũ Thị Thuý